

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2023
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thúy, bà Hoàng Thu Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐ-HPT ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T1**, sinh năm 1998.

ĐKHKT: Khu L, phường Th, thành phố H.

Hiện cư trú: Khu L, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Phạm Khắc T**, sinh năm 1993.

ĐKHKT và cư trú: Khu L, phường Th, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Chị T1, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn chị **Trần Thị Thu T**, thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Khắc T** được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố H ngày 26/5/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2021 đến nay, vợ chồng ly thân từ đó mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuộc sống; Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Khắc Bảo N, sinh ngày 21/11/2017. Hiện cháu đang ở cùng anh T và gia đình ông bà nội cháu nên khi ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi con, chị đồng ý để anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Trường hợp anh T yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Trường hợp anh T không có nguyện vọng nuôi con, chị xin được nuôi cháu Nam và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Tòa án đến gia đình anh T làm việc, ông N1 đã gọi điện cho anh T qua ứng dụng zalo có hình ảnh, anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị T1, còn việc chị T1 xin ly hôn là quyền của chị T1, anh T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ông Phạm Khắc N1 (bố đẻ anh T) trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng chị T1, anh T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và khoảng cách địa lý vì chị T1 sau khi kết hôn với anh T nhưng vẫn làm việc ở quê nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng đã ly thân từ 2021 đến nay. Gia đình đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị T1 xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông N đề nghị giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị T1) trình bày: Vợ chồng chị T1 có mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2021 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, đề nghị giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống, về con chung đề nghị giải quyết theo quy định đảm bảo quyền lợi cho cháu Nam.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, thể hiện: Chị T1, anh T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. anh T đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng hiện đi làm nhưng không thông báo với chính quyền địa phương nên không nắm được địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh T. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được, chỉ biết chị T1 đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ ở từ lâu. Chị T1 xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định.

Xác minh tại cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thể hiện chưa có thông tin xuất nhập cảnh của anh T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 xử cho chị T1rần Thị Thu T ly hôn anh Phạm Khắc T; Về con chung: Đề nghị giao cháu Phạm Khắc Bảo N, sinh ngày 21/11/2017 cho anh Phạm Khắc T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Th, thành phố H. anh T đã biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không cung cấp địa chỉ nơi làm việc hiện nay do vậy thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt. Chị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T1, anh T là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T1, anh T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị T1, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, thương yêu nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T. Lời khai người thân gia đình hai bên thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh, chị đã được gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. anh T không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc thể hiện anh T không thực sự thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy chị T1, anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T1 ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Khắc Bảo N, sinh ngày 21/11/2017. Từ khi ly thân cháu Nam ở cùng anh T và ông bà nội. anh T có quan điểm xin được nuôi con và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông N1 đề nghị giao cháu Nam cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng, gia đình cũng sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc cháu Nam. Chị T1 đồng ý để anh T nuôi cháu Nam. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu Nam cần giao cháu Nam cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên chị T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T1 xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1rần Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu T ly hôn anh Phạm Khắc T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Khắc Bảo N, sinh ngày 21/11/2017 cho anh Phạm Khắc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002879 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu T và anh Phạm Khắc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Th để lưu hồ tịch (ĐKKH: 26/5/2017);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan

